

PHẦN I (3 điểm). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Từ năm 1945 đến 1954, nhân dân ba nước Đông Dương đấu tranh chống kẻ thù chung là

- A. thực dân Pháp B. đế quốc Mỹ C. thực dân Anh D. phát xít Nhật

Câu 2. Dòng sông nào sau đây ba lần ghi danh quân dân Việt Nam chiến thắng quân xâm lược?

- A. Sông Đà B. Sông Bạch Đằng C. Sông Hồng D. Sông Mê – công

Câu 3. “Người Xiêm từ sau cuộc bại trận năm Giáp Thìn (năm 1785), miệng tuy nói khoác mà lòng thì sợ Tây Sơn như sợ cọp”

(Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002, trang 227, 228)

“Cuộc bại trận năm Giáp Thìn” của quân Xiêm là

- A. Chi Lăng – Xương Giang B. Ngọc Hồi – Đống Đa
C. Rạch Gầm – Xoài Mút D. Chương Dương, Hàm Tử

Câu 4. Nội dung nào sau đây lý giải **không đúng** về nhận định: “Với vị trí địa chiến lược quan trọng, trong nhiều thế kỉ, Việt Nam là quốc gia thường xuyên trở thành đối tượng nhòm nhóc, can thiệp và xâm lược của các thế lực bên ngoài”?

- A. Nằm trên tuyến đường giao thông, giao thương lâu đời và quan trọng giữa các nước lớn
B. Là trung tâm kinh tế - tài chính duy nhất của thế giới, nhiều nước lớn muốn giao thương
C. Là địa bàn tiền tiêu của Đông Nam Á từ phía bắc, cửa ngõ tiến vào bán đảo Trung Ấn
D. Liên kề Trung Quốc, án ngữ biển Đông, là cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa với hải đảo

Câu 5. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa nào sau đây đã đưa đến sự thành lập vương triều Lê sơ?

- A. Khởi nghĩa Lý Bí. B. Khởi nghĩa Lam Sơn.
C. Khởi nghĩa Phùng Hưng. D. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

Câu 6. Lãnh đạo phong trào nông dân Tây Sơn cuối thế kỉ XVIII là

- A. Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh. B. Nguyễn Lữ, Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ.
C. Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ. D. Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh.

Câu 7. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng đặc điểm nổi bật của các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta thời kì Bắc thuộc?

- A. Liên tiếp nổ ra ở ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam.
B. Được đông đảo nhân dân tham gia, hưởng ứng.
C. Nhiều cuộc khởi nghĩa lập được chính quyền trong một thời gian.
D. Mở ra thời kì độc lập tự chủ lâu dài của dân tộc.

Câu 8. Về kinh tế - xã hội, nhằm hạn chế sự phát triển của chế độ sở hữu ruộng đất lớn trong các điền trang, thái ấp của quý tộc, Hồ Quý Ly đã

- A. cho phát hành tiền giấy. B. ban hành chính sách hạn điền.
C. cải cách chế độ giáo dục. D. thống nhất đơn vị đo lường.

Câu 9. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng kết quả cuộc cải cách của Hồ Quý Ly cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

- A. Góp phần nâng cao tiềm lực quốc phòng. B. Giúp nông dân có thêm ruộng đất để sản xuất.
C. Văn hoá dân tộc, nhất là chữ Nôm được đề cao. D. Giữ vững nền độc lập dài lâu cho dân tộc.

Câu 10. Trong lĩnh vực văn hóa, Lê Thánh Tông đặc biệt đề cao hệ tư tưởng

- A. Phật giáo B. Đạo giáo C. Nho giáo D. Thiên chúa giáo

Câu 11. Để quản lý đất nước, vua Lê Thánh Tông đã cho ban hành bộ luật nào sau đây?

- A. Hình thư B. Quốc triều hình luật. C. Hình luật. D. Hoàng Việt luật lệ.

Câu 12. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng mục đích cải cách của vua Lê Thánh Tông?

- A. Tăng cường quyền lực của hoàng đế và củng cố bộ máy nhà nước
B. Giải quyết tình trạng khủng hoảng trầm trọng của đất nước bấy giờ
C. Biến nước ta trở thành cường quốc lớn mạnh hàng đầu trong khu vực.
D. Tăng cường tiềm lực đất nước chuẩn bị đối phó với giặc ngoại xâm

Câu 13. Trọng tâm cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) là

- A. Kinh tế. B. Chính trị. C. Hành chính. D. Quân sự.

Câu 14. Dưới thời vua Minh Mạng, đứng đầu tỉnh là

- A. Tổng đốc, Tuần phủ. B. Quan Thượng thư.
C. Khâm sai đại thần. D. Tả tướng quân.

Câu 15. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) nhằm thực hiện một trong những mục đích nào sau đây?

- A. Tập trung quyền lực vào tay vua B. Thúc đẩy kinh tế tư bản chủ nghĩa
C. Ngăn ngừa nguy cơ giặc ngoại xâm D. Khôi phục nền giáo dục Nho học

Câu 16. Biển Đông là một trong những biển lớn và là đường vận chuyển huyết mạch của khu vực

- A. Châu Á - Thái Bình Dương. B. Bắc Mỹ và eo biển Đan Mạch.
C. Châu Âu và mũi Hảo Vọng. D. Châu Phi và châu Nam Cực.

Câu 17. Nguồn tài nguyên phong phú của Biển Đông đã tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam phát triển ngành

- A. Dệt may B. khai khoáng C. hàng không D. da giày

Câu 18. Nội dung nào phản ánh **không** đúng về vị trí chiến lược của một số đảo, quần đảo trên Biển Đông?

- A. Xây dựng cơ sở hậu cần phục vụ cho hoạt động kinh tế.
B. Xây dựng cơ sở hậu cần phục vụ cho hoạt động quân sự.
C. Có điều kiện tự nhiên để phát triển kinh tế biển toàn diện
D. Tiến hành các cuộc tập trận hải quân có quy mô lớn.

Câu 19. Đối với Việt Nam, tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa được thể hiện ở điểm nào sau đây ?

- A. Là tuyến đường duy nhất để Việt Nam xuất khẩu hàng nông sản.
B. Đảm bảo nguồn an ninh lương thực cho nhân dân Việt Nam.
C. Có ý nghĩa về chiến lược quốc phòng, an ninh, kinh tế biển.

D. Là nền tảng duy nhất để Việt Nam phát triển công nghiệp nặng.

Câu 20. Một trong những bãi biển nổi tiếng của nước ta ở miền Trung, là địa điểm thu hút khách du lịch trong và ngoài nước là

A. Hạ Long **B.** Đà Nẵng **C.** Phú Quốc **D.** Cát Bà

Câu 21. Tập bản đồ nào sau đây của người phương Tây đã thể hiện quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam?

A. Toàn tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư. **B.** Giáp Ngọ Niên Bình Nam đồ.

C. Đại Nam nhất thống toàn đồ **D.** An Nam đại quốc họa đồ.

Câu 22. Khu vực nào của Việt Nam **không** tiếp giáp với Biển Đông?

A. Tây Bắc. **B.** Phía Đông. **C.** Phía Nam. **D.** Tây Nam

Câu 23. Nội dung nào sau đây là **không** đúng khi nói về việc thực thi chủ quyền của Việt Nam trên biển Đông?

A. Việt Nam thực thi chủ quyền liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

B. Việt Nam có chủ trương không sử dụng vũ lực trong bảo vệ chủ quyền biển Đông.

C. Việt Nam không có tranh chấp về chủ quyền với các đảo, quần đảo trên biển Đông.

D. Lực lượng nòng cốt bảo vệ chủ quyền của Việt Nam là hải quân và cảnh sát biển.

Câu 24. Ý nào sau đây không phải là chủ trương của Đảng và Nhà nước ta trong vấn đề bảo vệ chủ quyền biển đảo hiện nay?

A. Giải quyết các tranh chấp, bất đồng trên Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.

B. Thực hiện các biện pháp toàn diện nhằm bảo vệ quyền, chủ quyền ở Biển Đông.

C. Tăng cường phát triển kinh tế biển gắn với tăng cường quốc phòng an ninh trên biển.

D. Kiên quyết dùng vũ lực để đánh trả lại bất cứ hoạt động tranh chấp trên Biển Đông

PHẦN II (1 điểm). Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho đoạn tư liệu sau:

“Biển là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn; phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển. Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là quyền và nghĩa vụ của mọi tổ chức, doanh nghiệp và người dân Việt Nam”.

(Nghị quyết số 36 – NQ/TW ngày 22 - 10 – 2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045)

a) Đoạn tư liệu trên đưa ra nhiều bằng chứng khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam.

b) Trách nhiệm phát triển bền vững kinh tế biển không liên quan đến những người dân sống trong khu vực đất liền.

c) Quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam hiện nay có sự gắn bó mật thiết với Biển Đông.

d) Nhiệm vụ phát triển kinh tế biển với đảm bảo an ninh quốc phòng luôn có sự gắn bó mật thiết, không tách rời nhau.

PHẦN III (3 điểm).

Câu 1 (1 điểm). Trình bày những nguyên nhân thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc ta? Nguyên nhân nào là sức mạnh quan trọng để quân dân ta chiến thắng giặc ngoại xâm?

Câu 2(2 điểm). Lễ “Khao lề thế lính” là một nghi lễ truyền thống của huyện đảo nào? Em hãy giới thiệu về nguồn gốc của Lễ Khao lề thế lính trên đảo Lý Sơn. Theo em, việc duy trì tổ chức Lễ Khao lề thế lính trên đảo Lý Sơn ngày nay có ý nghĩa gì?

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN (6,0 điểm)

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	C	B	B	C	D	B	D	C	B	A
Câu	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Đáp án	C	A	A	A	B	A	C	B	D	A	C	D

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (1,0 điểm)

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1 điểm.

Đáp án: S S Đ Đ

PHẦN III (3 điểm).

Câu 1 (1 điểm).

Nội dung	Điểm
Nguyên nhân thắng lợi:	
- Điều là các cuộc chiến tranh chính nghĩa nhằm bảo vệ độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam.	0,5
- Nhân dân Việt Nam nêu cao truyền thống yêu nước tinh thần đoàn kết trên dưới đồng lòng cùng chống giặc ngoại xâm	0,5
- Lãnh đạo chỉ huy các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm đều là các tướng lĩnh tài năng mưu lược như Ngô Quyền, Trần Quốc Tuấn, Lý Thường Kiệt, Lê Hoàn, Nguyễn Huệ- Quang Trung.....	0,5
- Do có đường lối quân sự đúng đắn, linh hoạt, độc đáo, sáng tạo.	0,5
Sức mạnh quan trọng:	
- Việc xây dựng, củng cố và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc thể hiện qua chính sách đoàn kết trong nội bộ tướng lĩnh, giữa tướng lĩnh và binh lính, giữa các tầng lớp nhân dân và các dân tộc....	0,5
- Đoàn kết dân tộc thành một khối thống nhất để tạo nên sức mạnh của toàn dân,	

qua đó phát huy sức mạnh của chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc.	0,5
--	-----

Câu 2 (2 điểm). Lễ “Khao lề thế lính” là một nghi lễ truyền thống của huyện đảo nào? Em hãy giới thiệu về nguồn gốc của Lễ Khao lề thế lính trên đảo Lý Sơn. Theo em, việc duy trì tổ chức Lễ Khao lề thế lính trên đảo Lý Sơn ngày nay có ý nghĩa gì?

Nội dung	Điểm
- Lễ “Khao lề thế lính” là một nghi lễ truyền thống của huyện đảo Lý Sơn	0,25
- Giới thiệu nguồn gốc Lễ khao lề thế lính trên đảo Lý Sơn (HS giới thiệu ngắn gọn trong khoảng 7-10 dòng. GV chấm linh hoạt cho điểm) -Lễ Khao lề là ngày hội lớn không chỉ riêng Quảng Ngãi mà từ lâu đã thấm sâu vào lòng người dân mọi miền đất nước như một "bằng chứng sống" về chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Năm 2013, Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia - loại hình tập quán xã hội và tín ngưỡng.	1,0
* Ý nghĩa của việc duy trì Lễ Khao lề thế lính trên đảo Lý Sơn: - Tri ân công lao của các thế hệ đi trước trong việc xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc (đặc biệt là tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa). - Tuyên truyền và giáo dục thế hệ sau hãy tiếp nối lòng yêu nước và ý thức bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải của Tổ quốc. - Là một trong những cơ sở lịch sử để nhân dân Việt Nam đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong giai đoạn hiện nay.	0,25 0,25 0,25

ĐỀ 2

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: LỊCH SỬ 11

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Trong thời kì đấu tranh chống Bắc thuộc, cuộc khởi nghĩa nào sau đây của nhân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi và lập ra nhà nước Vạn Xuân?

- A.** Hai Bà Trưng. **B.** Bà Triệu. **C.** Lý Bí. **D.** Phùng Hưng.

Câu 2. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã

- A.** buộc nhà Minh phải thần phục, cống nạp sản vật cho Đại Việt.
B. kết thúc 20 năm đô hộ của nhà Minh, khôi phục độc lập dân tộc.
C. đưa nước Đại Việt trở thành cường quốc hùng mạnh nhất châu Á.
D. Mở ra thời kì đấu tranh giành độc lập, tự chủ cho dân tộc Việt Nam.

Câu 3. Phong trào Tây Sơn (1771-1802) đã

- A.** lật đổ ách đô hộ của nhà Thanh ở Việt Nam.
B. hoàn thành thống nhất đất nước về mọi mặt.
C. xóa bỏ tình trạng chia cắt đất nước kéo dài.

D. ngăn chặn được nguy cơ Pháp xâm lược.

Câu 4. Trước khi mất ông dặn lại rằng: “Ta có được ngày hôm nay là nhờ có Lê Lai. Do ngày mất của Lê Lai không rõ nên sau khi ta chết phải làm giỗ cho Lê lai trước khi làm giỗ cho ta một ngày”. Lời dặn dò trên của nhân vật lịch sử nào dưới đây?

- A.** Nguyễn Trãi. **B.** Lê Lai. **C.** Lê Lợi. **D.** Lý Thái Tổ.

Câu 5. Phong trào Tây Sơn (1771-1802) mang tính chất nào sau đây?

- A.** Chiến tranh tự vệ. **B.** Chiến tranh đế quốc.
C. Giải phóng dân tộc. **D.** Khởi nghĩa nông dân.

Câu 6. Về kinh tế - xã hội, nhằm hạn chế sự phát triển của chế độ sở hữu ruộng đất lớn trong các điền trang, thái ấp của quý tộc, Hồ Quý Ly đã

- A.** cho phát hành tiền giấy. **B.** ban hành chính sách hạn điền.
C. cải cách chế độ giáo dục. **D.** thống nhất đơn vị đo lường.

Câu 7. Để khuyến khích và đề cao chữ Nôm, Hồ Quý Ly đã thực hiện biện pháp nào sau đây?

- A.** Dịch nhiều sách chữ Hán sang chữ Nôm.
B. Chính thức đưa văn thơ Nôm vào nội dung thi cử.
C. Bắt buộc tất cả sách biên soạn bằng chữ Nôm.
D. Mở trường dạy học hoàn toàn bằng chữ Nôm.

Câu 8. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly tiến hành trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

- A.** Nước Đại Việt lâm vào khủng hoảng trầm trọng.
B. Nhà Trần đang giai đoạn phát triển thịnh đạt.
C. Giặc Tống sang xâm lược nước ta lần thứ nhất.
D. Chế độ phong kiến Việt Nam phát triển đỉnh cao.

Câu 9. Nội dung nào sau đây phản ánh rõ nét tính đại chúng trong cải cách giáo dục của Hồ Quý Ly cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

- A.** Dạy văn chương chữ Nôm cho phi tần, cung nữ.
B. Chú trọng tổ chức các kì thi, lấy đỗ gần 200 người.
C. Mở trường học ở các lộ, phủ, châu, cử các quan trông coi.
D. Sửa đổi chế độ thi cử, thêm kì thi viết chữ và làm toán.

Câu 10: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc cải cách do Hồ Quý Ly và nhà Hồ tiến hành?

- A.** Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về việc trị nước.
B. Tạo tiềm lực để nhà Hồ bảo vệ thành công nền độc lập dân tộc.
C. củng cố tiềm lực đất nước để chuẩn bị đối phó với giặc ngoại xâm.
D. Thể hiện tinh thần dân tộc, ý thức tự cường của Hồ Quý Ly và triều Hồ.

Câu 11: Sau cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông, cả nước Đại Việt được chia thành

- A.** 13 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô. **B.** 24 lộ, phủ, châu.
C. 12 lộ, phủ, châu. **D.** 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên.

Câu 12: Năm 1483, vua Lê Thánh Tông cho ban hành

- A.** Hoàng Việt luật lệ. **B.** Quốc triều hình luật. **C.** Hình luật. **D.** Hình thư.

Câu 13. Dưới thời vua Lê Thánh Tông, việc dựng bia Tiến sĩ ở Văn Miếu nhằm mục đích

- A. khẳng định nền giáo dục Nho học của nước Đại Việt.
- B. ghi số lượng những người đỗ Tiến sĩ qua các kì thi Hội.
- C. đề cao Nho học và tôn vinh những người đỗ đại khoa.
- D. trùng tu, mở rộng, làm mới Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

Câu 14. Trong cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX), cơ quan nào sau đây có chức năng như một cơ quan hành chính trung ương?

- A. Nội các.
- B. Quốc tử giám.
- C. Hàm lâm viện.
- D. Đô sát viện.

Câu 15. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

- A. xóa bỏ tình trạng “bế quan tỏa cảng” của đất nước.
- B. xóa bỏ hoàn toàn tình trạng cát cứ của các thế lực phong kiến.
- C. tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lí nhà nước.
- D. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

Câu 16. Ở địa phương, trong công cuộc cải cách hành chính, vua Minh Mạng đã chia cả nước thành

- A. 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên.
- B. Bắc Thành, Gia Định thành và trực doanh.
- C. từ phủ Thừa Thiên ra Bắc thành 18 tỉnh.
- D. từ phủ Thừa Thiên vào Nam thành 12 tỉnh.

Câu 17. Cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) **không** nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Khắc phục tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất.
- B. Tăng cường tính thống nhất và tiềm lực của đất nước.
- C. Tập trung quyền lực và hoàn thiện bộ máy nhà nước.
- D. Xóa bỏ tình trạng “bế quan tỏa cảng” của đất nước.

Câu 18. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

- A. xóa bỏ tình trạng “bế quan tỏa cảng” của đất nước.
- B. xóa bỏ tình trạng cát cứ của các thế lực phong kiến.
- C. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt hành chính.
- D. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

Câu 19. Quần đảo nào sau đây thuộc chủ quyền của Việt Nam nằm ở trung tâm của Biển Đông?

- A. Quần đảo Mã Lai.
- B. Quần đảo Bắc Cực.
- C. Quần đảo Thế giới.
- D. Quần đảo Trường Sa.

Câu 20. Biển Đông là vùng biển thuộc

- A. Ấn Độ Dương.
- B. Thái Bình Dương.
- C. Đại Tây Dương.
- D. Địa Trung Hải.

Câu 21. Một trong những công trình sử học và địa lí ghi chép về cương vực, lãnh thổ và hoạt động thực thi, bảo vệ chủ quyền của nhà nước phong kiến Việt Nam ở quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa là

- A. Đại Nam thực lục.
- B. Hịch tướng sĩ.
- C. Bình Ngô đại cáo.
- D. Ước Trại thi tập.

Câu 22: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thông qua việc

- A. thành lập huyện đảo Hoàng Sa và Trường Sa
- B. thành lập đội Hoàng Sa, Bắc Hải và Trường Đà
- C. cho hoàn thiện tập Đại Nam nhất thống toàn đồ
- D. cử thủy quân ra tuần tra đảo định kì hàng năm

Câu 23. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** về vị trí chiến lược của Biển Đông đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam?

- A. Góp phần giảm thiểu chi phí trong ngành vận tải đường biển.
- B. Rút ngắn thời gian vận chuyển, giao lưu kinh tế được dễ dàng.
- C. Biển Đông là tuyến đường vận tải biển duy nhất của thế giới.
- D. Là cửa ngõ để Việt Nam giao thương với khu vực và thế giới.

Câu 24. Đối với Việt Nam, tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa được thể hiện ở điểm nào sau đây ?

- A. Là tuyến đường duy nhất để Việt Nam xuất khẩu hàng nông sản.
- B. Đảm bảo nguồn an ninh lương thực cho nhân dân Việt Nam.
- C. Có ý nghĩa về chiến lược quốc phòng, an ninh, kinh tế biển.
- D. Là nền tảng duy nhất để Việt Nam phát triển công nghiệp nặng.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời câu 1. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây.

Cải cách dưới triều vua Lê Thánh Tông là một cuộc cải cách khá toàn diện về mọi mặt, trọng tâm là cải cách hành chính, bao gồm cả thể chế lẫn quan chế. Kết quả đã xây dựng được hệ thống hành chính thống nhất trên phạm vi cả nước theo hướng tinh gọn, phân cấp, phân nhiệm minh bạch, có sự ràng buộc và giám sát lẫn nhau, bảo đảm sự chỉ đạo và tập trung quyền lực của chính quyền trung ương và của nhà vua. Các hoạt động kinh tế, pháp luật, quân sự, văn hoá, giáo dục đều đạt được tiến bộ hơn hẳn so với các thời trước đó. Thành công của cuộc cải cách đã góp phần tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả của bộ máy quan lại, đưa chính quyền quân chủ Lê sơ đạt đến đỉnh cao của mô hình quân chủ quan liêu chuyên chế. Đồng thời, góp phần quan trọng vào ổn định và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội Đại Việt thế kỉ XV.

- a. Đây là cuộc cải cách lớn nhất trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam.
- b. Cuộc cải cách thành công đã góp phần xóa bỏ những mâu thuẫn giai cấp trong xã hội.
- c. Cuộc cải cách Lê Thánh Tông thực hiện khá toàn diện và đồng bộ, nhất là hành chính.
- d. Thành công của cuộc cải cách đã hoàn chỉnh bộ máy quân chủ chuyên chế tập quyền.

III. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1. (1,0 điểm)

Nêu và phân tích chủ trương của Việt Nam trong việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.

Câu 2. (2,0 điểm)

Em hiểu thế nào về trách nhiệm của bản thân trong việc trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông, và em sẽ làm gì để đóng góp vào cuộc đấu tranh đó ngày nay?

HƯỚNG DẪN CHẤM**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN (6,0 điểm)**

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	B	C	C	D	B	A	A	C	B	A	B
Câu	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Đáp án	C	A	C	A	D	C	D	B	A	A	D	C

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (1,0 điểm)

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1 điểm.

Đáp án: 1Đ, 2S, 3Đ, 4Đ.**III. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

Câu	Đáp án	Điểm
Câu	Nêu và phân tích chủ trương của Việt Nam trong việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình. (Đáp án chỉ mang tính gợi ý, HS có thể trình bày theo những cách khác nhau)	
	<ul style="list-style-type: none"> - Kiên trì bảo vệ chủ quyền bằng biện pháp hòa bình - Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa vũ lực - Tôn trọng luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS 1982. - Thúc đẩy đối thoại, đàm phán, hợp tác đa phương 	0,5
	<ul style="list-style-type: none"> - Tính hợp pháp hợp lý: phù hợp với Hiến Chương LHQ và UNCLOS - Khẳng định lập trường chính nghĩa: Thể hiện VN luôn là quốc gia có trách nhiệm và tôn trọng luật pháp quốc tế. - Tranh thủ sự ủng hộ quốc tế: Tạo lợi thế ngoại giao, sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế. - Tạo điều kiện phát triển: Góp phần duy trì hòa bình, phục vụ phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế. 	0,5
Câu 2	Em hiểu thế nào về trách nhiệm của bản thân trong việc trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông, và em sẽ làm gì để đóng góp vào cuộc đấu tranh đó ngày nay? (Đáp án chỉ mang tính gợi ý, HS có thể trình bày theo những cách khác nhau)	2.0
	Em hiểu về trách nhiệm của bản thân trong việc trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông	1.0

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: LỊCH SỬ 11

(Hoc sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24)

A. Khởi nghĩa hai Bà Trưng.

B. Khởi nghĩa Bà Triệu.

C. Khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ

D. Khởi nghĩa Phùng Hưng.

Câu 2 Trong cải cách văn hóa-giáo dục, Hồ Quý Ly và triều Hồ đề cao và khuyến khích sử dụng chữ viết nào sau đây?

A. Chữ Hán.

B. Chữ Quốc ngữ.

C. Chữ Nôm.

D. Chữ Phan.

Câu 3: Phương thức tuyển chọn quan lại chủ yếu dưới thời vua Lê Thánh Tông là gì?

A. Khoa cử.

B. Tiến cử.

C. Tập âm.

D. Ứng cử.

Câu 4: Cơ quan có chức năng chuyên, tiếp nhận, lưu giữ công văn dưới thời vua Minh Mạng là

A. Hàn lâm viên

B. Cơ mật viên

C. Nội các

D. Đô sát viên

Câu 5: Biển Đông nằm trên tuyến giao thông đường biển huyết mạch nối liền

- A. Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương. B. châu Phi - Trung Đông.
C. Bắc Băng Dương - Đại Tây Dương. D. Ấn Độ Dương - Bắc Băng Dương.

Câu 6: Biển Đông là vùng biển chung của 9 quốc gia ở Châu Á trong đó có

- A. Trung Quốc B. Lào C. Ấn Độ D. Nhật Bản

Câu 7: Biển Đông nằm trên tuyến giao thông đường biển huyết mạch nối liền hai châu lục nào sau đây?

- A. Châu Á và Châu Âu. B. Châu Á và Châu Phi.
C. Châu Phi và Châu Âu. D. Châu Âu và Châu Úc.

Câu 8: Biển Đông là một trong những bồn trũng lớn nhất thế giới chứa đựng loại khoáng sản đặc biệt có giá trị nào sau đây?

- A. Dầu khí. B. Than. C. Đồng. D. Vàng.

Câu 9: Hiện nay, quần đảo Trường Sa trực thuộc quyền quản lý hành chính của

- A. thành phố Đà Nẵng. B. tỉnh Khánh Hòa.
C. tỉnh Nghệ An D. tỉnh Thanh Hóa.

Câu 10: Tính theo tổng lượng hàng hóa thương mại và vận chuyển hàng năm, Biển Đông giữ vị trí quan trọng nào sau đây?

- A. Là tuyến hàng hải quan trọng duy nhất ở Đông Nam Á.
B. Tuyến giao thương huyết mạch, duy nhất toàn cầu.
C. Tuyến hàng hải phục vụ chủ yếu giao thương nội vùng.
D. Tuyến hàng hải quốc tế nhộn nhịp thứ hai thế giới.

Câu 11: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tầm quan trọng về hoạt động giao thông, giao thương trên Biển Đông?

- A. Bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ Việt Nam. B. Phát triển hạ tầng, công nghệ thông tin.
C. Phát triển thương mại hàng hải. D. Giao lưu với các nền văn hóa khác.

Câu 12: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng vai trò quan trọng của Biển Đông về mặt kinh tế?

- A. Biển Đông là nơi diễn ra quá trình giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn.
B. Biển Đông là tuyến đường vận tải hàng hải nhộn nhịp thứ hai thế giới.
C. Các nước Đông Nam Á, Đông Bắc Á có nền kinh tế gắn liền với biển Đông.
D. Các nước ven biển Đông có hoạt động khai thác hải sản và dầu khí sôi động.

Câu 13: Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương về lĩnh vực nào sau đây?

- A. Kinh tế - Chính trị. B. Văn hóa – Thể thao.
C. Văn hóa – Giáo dục D. Thể thao – Truyền thông.

Câu 14: Nhận xét nào sau đây là đúng về tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với các nước trong khu vực?

- A. Biển Đông có trữ lượng dầu khí và nguồn hải sản hàng đầu thế giới.
B. Biển Đông từ lâu trở thành trung tâm công nghệ của các cường quốc.
C. Biển Đông là địa bàn chiến lược về an ninh, quốc phòng, giao thương.
D. Xu thế quốc tế hóa trên thế giới phụ thuộc an ninh ở vùng Biển Đông.

Câu 15: Từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1945, quốc gia nào đại diện cho quyền lợi của Việt Nam tiếp tục khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa?

- A. Trung Quốc. B. Pháp. C. Anh. D. Mĩ

Câu 16: Hệ thống các cảng biển được xây dựng dọc bờ biển Đông là điều kiện thuận lợi cho Việt Nam phát triển ngành kinh tế nào sau đây?

- A. Nông nghiệp trồng lúa nước. B. Khai thác tài nguyên biển.
C. Nuôi trồng thủy, hải sản. D. Thương mại hàng hải.

Câu 17: Từ năm 1975 đến nay, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được đặt dưới sự quản lí của chính quyền nào sau đây?

- A. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
B. Cộng hòa miền Nam Việt Nam.
C. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
D. Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Câu 18: Quốc gia đầu tiên khai phá, xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa là

- A. Việt Nam. B. Trung Quốc.
C. Thái Lan. D. Campuchia.

Câu 19: Từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX, tổ chức nào sau đây có nhiệm vụ đến khai thác sản vật, thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa?

- A. Đội Hoàng Sa, Bắc Hải. B. Đội Trường Sa, Bắc Hải.
C. Đội Hoàng Sa, Trường Sa. D. Đội Nam Hải, Đông Hải.

Câu 20: Dưới thời vua Minh Mạng, hoạt động khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được thể hiện quan việc

- A. thành lập các xã đảo, huyện đảo.
B. dựng miếu, trồng cây ở một số đảo.
C. xây dựng các trạm khí tượng lớn.
D. xây dựng các trạm vô tuyến điện.

Câu 21: Điều kiện tự nhiên nào sau đây của Biển Đông là yếu tố thuận lợi để Việt Nam có thể khai thác, phát triển ngành du lịch biển?

- A. Nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú: ti-tan, thiếc, dầu khí.
B. Cảnh quan đa dạng với nhiều vũng, vịnh, bãi cát trắng, hang động, ...
C. Nguồn tài nguyên sinh vật phong phú, đa dạng và có giá trị kinh tế.
D. Đường bờ biển trải dài, có nhiều vũng vịnh nước trong, sâu và kín gió.

Câu 22: Nội dung nào sau đây là chủ trương nhất quán, xuyên suốt của Việt Nam trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo Tổ quốc?

- A. Giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
B. Sử dụng sức mạnh quân sự ngăn chặn xung đột.
C. Hạn chế tham gia các diễn đàn quốc tế và biển đảo.
D. Chỉ tập trung phát triển các ngành kinh tế biển.

Câu 23: Đối với lĩnh vực giao thông trên biển, vị trí của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là yếu tố thuận lợi trong hoạt động nào sau đây?

- A. Xây dựng khu bảo tồn trung tâm nghiên cứu sinh vật biển.
B. Xây dựng các tuyến phòng thủ nhiều tầng bảo vệ đất liền.
C. Xây dựng các trạm dừng chân, tiếp nhiên liệu cho các tàu.
D. Chế biến thủy sản, khai thác dược liệu biển và khoáng sản.

Câu 24: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vận dụng nguyên tắc cơ bản nào sau đây của Liên hợp quốc trong quá trình đấu tranh bảo vệ quyền biển đảo quê hương?

- A. Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.
- B. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
- C. Bình đẳng chủ quyền và các quyền tự quyết của các dân tộc.
- D. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các nước.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG-SAI (1 điểm)

Học sinh trả lời từ **Câu 25**. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho đoạn tư liệu sau đây:

"Cần phải có cơ chế ràng buộc hiệu quả đối với tất cả các quốc gia có quyền lợi trên Biển Đông và toàn thể cộng đồng quốc tế trên nguyên tắc tôn trọng triệt để và thực hiện nghiêm chỉnh Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 thì mới có hi vọng giải quyết được tình hình phức tạp trên Biển Đông. Điều này đòi hỏi sự nỗ lực phi thường không phải chỉ riêng các nước có liên quan trong khu vực Biển Đông, mà toàn bộ cộng đồng quốc tế".

(Nguyễn Quang Ngọc, Hoàng Sa, Trường Sa - Chủ quyền của Việt Nam,

Tư liệu và sự thật lịch sử, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017, tr:324 - 325)

- a) Đoạn tư liệu đề cập đến việc giải quyết những căng thẳng trên Biển Đông là nhiệm vụ quan trọng của tất cả các quốc gia trên thế giới.
- b) Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 là cơ sở pháp lí quan trọng để đảm bảo trật tự an ninh hàng hải trên khu vực Biển Đông.
- c) Sau khi các nước ASEAN thống nhất lập trường, vấn đề Biển Đông đã được giải quyết triệt để, không cần sự tham gia của cộng đồng quốc tế.
- d) Việc tuân thủ nghiêm chỉnh Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 là trách nhiệm của các nước trong khu vực nhằm duy trì hòa bình, ổn định và trật tự pháp lí trên Biển Đông.

PHẦN III: TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau và trả lời câu hỏi:



Hình 2. Lược đồ khu vực Biển Đông

Tư liệu: “Biển là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn; phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với đảm bảo quốc phòng an ninh, giữ vững độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ...”

- a) Kể tên các nước tiếp giáp với Biển Đông.

b) Phân tích tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.

ĐÁP ÁN

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN (6 điểm)

Học sinh làm từ câu 1 đến câu 25, mỗi câu đúng 0,25 điểm

1. A	2. C	3. A	4. C	5. A	6. A
7. A	8. A	9. B	10. D	11. C	12. A
13. A	14. C	15. B	16. D	17. A	18. A
19. A	20. B	21. B	22. A	23. C	24. B

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG-SAI (1 điểm)

Học sinh làm câu 25, mỗi ý đúng 0,25 điểm

a)	S
b)	Đ
c)	S
d)	Đ

PHẦN III: TỰ LUẬN (3 điểm)

Nội dung	Điểm
a) Kể tên các nước tiếp giáp với Biển Đông.	
- Các nước và vùng lãnh thổ tiếp giáp với Biển Đông: Việt Nam, Trung Quốc, Phi-lip-pin, Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan, Cam-pu-chia	1.0
b) Phân tích tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.	
- Là vùng biển có vị trí chiến lược quan trọng và nguồn tài nguyên phong phú, Biển Đông góp phần quan trọng vào việc phát triển các ngành kinh tế trọng điểm của Việt Nam như: khai thác và nuôi trồng thủy hải sản, công nghiệp khai khoáng, giao thông hàng hải, du lịch,...	0.5
- Về giao thông vận tải: Hệ thống các cảng biển nước sâu được xây dựng dọc Biển Đông là điều kiện thuận lợi cho Việt Nam phát triển thương mại hàng hải. Những cảng lớn giữ vai trò đầu mối vận chuyển hàng hóa trong nước và quốc tế như: cảng Hải Phòng, cảng Đà Nẵng, cảng Sài Gòn,...	0.5
- Về công nghiệp khai khoáng: dầu khí ở thềm lục địa Việt Nam có trữ lượng lớn. Vùng ven biển còn có tiềm năng to lớn về quặng sa khoáng như ti-tan, vàng, sắt,...trong đó cát đen là nguồn tài nguyên quý giá của đất nước.	0.5

- Về khai thác và nuôi trồng thủy hải sản: Biển Đông là vùng biển đa dạng về sinh hoạt, có trữ lượng cá nhiều và khả năng khai thác lớn.	0.25
- Về du lịch: Đường bờ biển dài với nhiều bãi cát, vịnh, hang động tự nhiên đẹp như: Hạ Long, Cửa Lò, Phú Quốc,...tạo điều kiện phát triển du lịch biển.	0.25